

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập Tự do Hạnh phúc**

Số: **53**/NQ-HĐND

Long An, ngày **17** tháng 8 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

Về đào tạo nguồn nhân lực ngành Y tế giai đoạn 2021-2025 của tỉnh

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LONG AN KHÓA X - KỲ HỌP THỨ HAI

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật cán bộ, công chức và viên
chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Nghị định 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính
phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;
Căn cứ Quyết định số 122/QĐ-TTg ngày 10 tháng 01 năm 2013 của Thủ
tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược quốc gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao
sức khỏe nhân dân giai đoạn 2011-2020, tầm nhìn đến năm 2030;
Xét Tờ trình số 2028/TTr-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân
dân tỉnh về đề nghị ban hành Nghị quyết thông qua Nghị quyết về đào tạo nguồn
lực ngành Y tế giai đoạn 2021-2025 của tỉnh; báo cáo thẩm tra số 472/BC-HĐND
ngày 16 tháng 7 năm 2021 của Ban Văn hóa - xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh và
ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất về đào tạo nguồn nhân lực ngành Y tế giai đoạn 2021
- 2025 của tỉnh, với các nội dung chính như sau:

1. Mục tiêu

Đáp ứng đầy đủ nguồn nhân lực y tế có chất lượng, cơ cấu và phân bố hợp
lý, góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ y tế, công tác dân số, nhu cầu về bảo vệ,
chăm sóc và nâng cao sức khỏe của nhân dân.

2. Chỉ tiêu cụ thể

Đào tạo nguồn nhân lực ngành Y tế trực thuộc Sở Y tế trên địa bàn tỉnh đảm bảo đến năm 2025 đạt chỉ tiêu cụ thể như sau:

- Đạt tỷ lệ 10 bác sĩ /10.000 dân
- Đạt tỷ lệ 2 dược sĩ /10.000 dân
- Đạt tỷ lệ 16 điều dưỡng/10.000 dân.
- Đạt 20% tổng số điều dưỡng có trình độ cao đẳng và đại học.
- Các Bệnh viện Đa khoa tuyến tỉnh có ít nhất 50% tổng số bác sĩ có trình độ chuyên khoa cấp I và tương đương trở lên.
- Mỗi Bệnh viện/Trung tâm Y tế cấp huyện có giường bệnh có ít nhất 5 bác sĩ chuyên khoa cấp I thuộc các chuyên ngành chủ yếu, bao gồm nội khoa, ngoại khoa, sản khoa, nhi khoa và truyền nhiễm.

3. Đối tượng đào tạo

a. Đào tạo hệ đại học

- Đối với hệ chính quy: Học sinh phổ thông thi vào các trường Đại học Y Dược.
- Đối với hệ liên thông, hệ vừa học vừa làm: Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trực thuộc Sở Y tế có trình độ trình từ độ trung cấp, cao đẳng lên đại học.

b. Đào tạo sau đại học:

- Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trực thuộc Sở Y tế có trình độ từ đại học trở lên tham gia đào tạo sau đại học gồm: Tiến sĩ, Thạc sĩ, Chuyên khoa II, Chuyên khoa I.

4. Phân kỳ thực hiện đầu vào như sau

a. Sau Đại học

Đối tượng được cử đi đào tạo		Nhu cầu cần cử đi đào tạo	Phân kỳ thực hiện theo từng năm				
			2021	2022	2023	2024	2025
Bác sĩ	Tiến sĩ	2	1	1	0	0	0
	Thạc sĩ	20	4	4	4	4	4
	Chuyên khoa I	218	48	50	40	40	40
	Chuyên khoa II	20	4	4	4	4	4
Dược sĩ	Thạc sĩ	2	1	1	0	0	0
	Chuyên khoa I	16	4	3	3	3	3
	Chuyên khoa II	2	1	1	0	0	0

Đối tượng được cử đi đào tạo		Nhu cầu cần cử đi đào tạo	Phân kỳ thực hiện theo từng năm				
			2021	2022	2023	2024	2025
Cử nhân các ngành	Thạc sĩ	6	1	2	1	1	1
	Chuyên khoa I	14	2	3	3	3	3
TỔNG CỘNG		300	66	69	55	55	55

b. Đại học

Đối tượng được cử đi đào tạo	Nhu cầu cần cử đi đào tạo	Phân kỳ thực hiện theo từng năm				
		2021	2022	2023	2024	2025
1. Hệ chính quy (Học sinh phổ thông thi vào các Trường đại học Y dược)	245	49	49	49	49	49
- Bác sĩ	170	34	34	34	34	34
- Cử nhân Điều dưỡng, Hộ sinh, Kỹ thuật viên Y	75	15	15	15	15	15
2. Hệ liên thông	262	52	52	53	53	52
- Bác sĩ	162	32	32	33	33	32
- Dược sĩ	25	5	5	5	5	5
- Cử nhân Điều dưỡng, Hộ sinh, Kỹ thuật viên Y	75	15	15	15	15	15

5. Kinh phí

a. Sau đại học:

Đối tượng được cử đi đào tạo	Số đang đào tạo	Nhu cầu cần cử đi đào tạo	Thời gian đào tạo	Tổng kinh phí (ngđ)
Tiến sĩ	0	2	3 năm	519.000
Thạc sĩ	7	28	2 năm	5.064.300
Chuyên khoa I	115	248	2 năm	48.448.400
Chuyên khoa II	4	22	2 năm	3.928.300
	126	300		57.960.000

{Năm mươi bảy tỷ chín trăm sáu mươi triệu đồng chẵn}

Kinh phí: Đào tạo sau đại học kinh phí từ ngân sách Nhà nước được phân bổ hàng năm.

b. Đại học:

- Đối với đào tạo đại học hệ chính quy: kinh phí do cá nhân tự túc.

- Đối với đào tạo đại học hệ liên thông, hệ vừa học vừa làm: kinh phí của đơn vị từ nguồn phát triển sự nghiệp (nếu có) hoặc do cá nhân tự túc.

c) Kinh phí dự kiến hỗ trợ đào tạo theo từng năm:

Kinh phí hỗ trợ đào tạo	Số tiền (ngđ)
- Năm 2021	1.925.600
- Năm 2022	6.827.400
- Năm 2023	18.639.500
- Năm 2024	22.514.600
- Năm 2025	8.052.900
TỔNG CỘNG	57.960.000

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh cụ thể hóa Nghị quyết và tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Long An khoá X, kỳ họp thứ Hai thông qua ngày 17 tháng 8 năm 2021 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất thông qua./.

Nơi nhận:

- UB Thường vụ Quốc hội (b/c);
- Chính phủ (b/c);
- Ban Công tác Đại biểu Quốc hội (b/c);
- Bộ Y tế;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- TT.TU (b/c);
- UBND tỉnh, UBMTTQ tỉnh;
- Đại biểu QH đơn vị tỉnh Long An;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa X;
- Các Sở ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT.HĐND, UBND huyện, thị xã, thành phố;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các phòng thuộc VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh (P. CT HĐND – 2b);
- Trang thông tin điện tử HĐND tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (đăng công báo);
- Lưu: VT, (NgC).

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Được